

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Quang Truyền;

2. Ông Trần Văn Thạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:** Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 2000; địa chỉ: tổ 3, ấp Ninh H, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị T và anh T1 có tổ chức đám cưới vào ngày 22/5/2022, chung sống vợ chồng nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Chúng sống được 04 tháng thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên nay chị T yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh T1

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/8/2024, bị đơn – anh Nguyễn Văn T1 trình bày:***

Anh T1 thừa nhận anh và chị T có tổ chức đám cưới vào năm 2022, không đăng ký kết hôn do bận công việc và anh thấy T không thật lòng nên chưa đi đăng ký kết hôn, chung sống vợ chồng được 04 tháng thì chị T tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột chị T cho đến nay.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến***

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Trần Thị Thu T và Nguyễn Văn T1 là vợ chồng; về con chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của đương sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T và anh T1 chung sống với nhau không đăng ký hôn, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Nguyễn Văn T1 có địa chỉ tại: ấp Năm Trại, xã Trường Đông, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T và anh T1 vắng mặt tại phiên tòa, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T:

Về hôn nhân: Chị T và anh T1 thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng từ năm 2022, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, chung sống vợ chồng được 04 tháng thì đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc và không còn chung sống vợ chồng cho đến nay, phù hợp với biên bản xác minh ngày 06/9/2024, tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành xác định chị T và anh T1 không đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh T1 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký, do đó quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay chị T khởi kiện được ly hôn với anh T1, căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh T1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh T1 không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011413 ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011413 ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tuấn**